

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ THÔNG TƯ SỐ 24/2021/TT-BGTVT VỚI
THÔNG TƯ SỐ 24/2021/TT-BGTVT**

Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
<i>Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;</i> <i>Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;</i> <i>Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;</i>	<i>Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 10 tháng 12 năm 2025;</i> <i>Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;</i> <i>Căn cứ Nghị định số¹ của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng; Nghị định 20/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;</i>	Bổ sung các Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành có nội dung điều chỉnh các hoạt động liên quan đến công tác bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không

¹ Nghị định thay thế Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.	Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.	
	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Thông tư này quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.	Thừa kế và biên tập lại các nội dung của Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT.

Thông tư này quy định về quản lý và bảo trì công trình hàng không dân dụng. 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan tới quản lý, bảo trì công trình hàng không trên lãnh thổ Việt Nam.	2. Thông tư này áp dụng áp dụng cho các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không.	
Điều 2. Giải thích từ ngữ 1. Công trình hàng không là công trình phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, bao gồm: a) Công trình kết cấu hạ tầng cảng hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; b) Công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay; c) Công trình cơ sở hạ tầng của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay. 2. Công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (sau đây gọi là Nghị định số 44/2018/NĐ-CP). 3. Bảo trì công trình hàng không là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình	Điều 2. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Bảo trì công trình hàng không là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình hàng không theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. 2. Bảo dưỡng công trình hàng không là hoạt động (theo dõi, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình) được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình hàng không ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình. 3. Công trình hàng không là công trình phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, bao gồm: a) Công trình kết cấu hạ tầng cảng hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; b) Công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay;	Thừa kế, bổ sung và sắp xếp lại các nội dung của Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT.

hàng không theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình hàng không có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình hàng không; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị để việc khai thác sử dụng công trình hàng không đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình hàng không. 4. Quy trình bảo trì công trình hàng không là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hàng không. 5. Kiểm tra công trình hàng không là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dùng để đánh giá hiện trạng công trình hàng không nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. 6. Quan trắc công trình hàng không là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian. 7. Kiểm định chất lượng công trình hàng không là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của một bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hoặc công trình hàng không thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.	c) Công trình cơ sở hạ tầng của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay. 4. Công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý đang giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không. 5. Công trình hàng không khác là công trình hàng không được quy định tại Khoản 3 Điều này trừ công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được quy định tại Khoản 4 Điều này. 6. Công tác khác là nội dung được xác định theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không bao gồm các nhiệm vụ: kiểm định công trình; lập, thẩm tra quy trình bảo trì; xây dựng, thẩm tra định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình hàng không; mua sắm vật tư dự phòng, lưu giữ, bảo quản vật tư thu hồi từ công tác bảo trì công trình hàng không; tháo dỡ, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý; lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình hàng không; khảo sát, lập, thẩm tra dự án, dự toán bảo trì công trình hàng không; kiểm tra, giám sát công tác bảo trì công trình hàng không; một số nhiệm vụ phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác công trình hàng không.	
--	---	--

8. Bảo dưỡng công trình hàng không là hoạt động (theo dõi, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình) được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình hàng không ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình. 9. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình hàng không (tuổi thọ thiết kế) là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, bảo đảm yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình. 10. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình (tuổi thọ thực tế) là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế kể từ khi đưa vào khai thác, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng. 11. Người quản lý sử dụng công trình hàng không là chủ sở hữu công trình trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền quản lý, sử dụng và khai thác trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc là người quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan. 12. Người được giao quản lý, sử dụng, khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà	7. Cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không là tập hợp các thông tin về công trình và lịch sử bảo trì công trình được cập nhật, khai thác sử dụng trên hệ thống thông tin quản lý công trình hàng không. 8. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP. 9. Kiểm tra công trình hàng không là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dùng để đánh giá hiện trạng công trình hàng không nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. Công tác kiểm tra công trình hàng không bao gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất. 10. Kiểm định chất lượng công trình hàng không là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của một bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hoặc công trình hàng không thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích. 11. Người quản lý sử dụng công trình hàng không là chủ sở hữu công trình trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền, giao quản lý, sử dụng và khai thác trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc là	
--	--	--

nước đầu tư, quản lý theo quy định Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.	người quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan trừ Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được quy định tại Khoản 8 Điều này. 12. Quan trắc công trình hàng không là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian. 13. Quy trình bảo trì công trình hàng không là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hàng không. 14. Sửa chữa công trình hàng không là việc khắc phục, khôi phục, cải tạo hoặc thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn hàng không. Sửa chữa công trình hàng không bao gồm sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất: a) Sửa chữa định kỳ công trình hàng không là sửa chữa hư hỏng hoặc cải tạo, thay thế hoặc bổ sung bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy trình bảo trì công trình hàng không và kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không được duyệt; b) Sửa chữa đột xuất công trình hàng không là sửa chữa, khắc phục hư hỏng của công trình hoặc thay thế hoặc bổ sung bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình do chịu tác động đột xuất của bão, lũ lụt, động đất,	
---	--	--

	va đập, cháy, sự cố tàu bay, phương tiện hoạt động trên khu bay và những tác động đột xuất khác hoặc khi công trình, bộ phận công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình hoặc sửa chữa trong tình huống khẩn cấp, cấp bách (sự cố kỹ thuật bất thường liên quan đến kết cấu hạ tầng hàng không) nhằm xử lý, khắc phục ngay để đảm bảo an ninh, an toàn hàng không liên tục, thông suốt. 15. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình hàng không (tuổi thọ thiết kế) là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, bảo đảm yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình hàng không được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình. 16. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình hàng không (tuổi thọ thực tế) là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế kể từ khi đưa vào khai thác, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng.	
	Chương II QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG	
Điều 10. Nội dung quản lý công trình hàng không 1. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ, đột xuất sau thiên tai hoặc các tác động bất thường khác nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng và các vi phạm về bảo vệ an toàn công trình,	Điều 3. Nội dung quản lý công trình hàng không 1. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không; quản lý nguồn tài chính cho công tác bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.	Bổ sung và biên tập lại cá nội dung của quản lý công trình hàng không để phù hợp với thực thể bảo trì công trình hàng không

xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. 2. Theo dõi lưu lượng người, phương tiện vận tải và tổng hợp phân tích số liệu dưới dạng báo cáo; bảng biểu đồ họa. 3. Lập hồ sơ các vị trí nguy hiểm của công trình hàng không, các vật chướng ngại và theo dõi kết quả xử lý. 4. Tổ chức phòng chống thiên tai và xử lý các sự cố bất thường liên quan đến công trình. 5. Cập nhật các dữ liệu có liên quan về công trình hàng không. 6. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	2. Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không. 3. Tổ chức phòng chống thiên tai và xử lý các sự cố bất thường liên quan đến công trình. 4. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ, đột xuất sau thiên tai hoặc các tác động bất thường khác nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng và các vi phạm về bảo vệ an toàn công trình, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. 5. Quản lý, theo dõi và tổ chức xử lý các vị trí công trình xung yếu, có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng. 6. Tổ chức lập hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không. 7. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	
Điều 9. Nội dung bảo trì công trình hàng không Nội dung bảo trì công trình hàng không bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: 1. Kiểm tra công trình hàng không a) Việc kiểm tra công trình hàng không có thể bằng trực quan, bằng các số liệu quan trắc thường xuyên (nếu có) hoặc bằng thiết bị kiểm tra chuyên dụng; b) Kiểm tra công trình hàng không bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công	Điều 4. Nội dung bảo trì công trình hàng không Nội dung bảo trì công trình hàng không được lập thành kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: 1. Kiểm tra công trình hàng không a) Việc kiểm tra công trình hàng không có thể bằng trực quan, bằng các số liệu quan trắc thường xuyên (nếu có) hoặc bằng thiết bị kiểm tra chuyên dụng; b) Kiểm tra công trình hàng không bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, kịp thời	Bổ sung và biên tập lại cá nội dung của bảo trì công trình hàng không để phù hợp với thực thể bảo trì công trình hàng không

trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình. 2. Bảo dưỡng công trình hàng không bao gồm các công việc được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng công trình hàng không và quy trình bảo trì. 3. Sửa chữa công trình hàng không a) Sửa chữa định kỳ: bao gồm hoạt động sửa chữa, khắc phục hư hỏng của công trình hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm khôi phục, cải thiện tình trạng kỹ thuật của công trình và đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình, hạng mục công trình; b) Sửa chữa đột xuất công trình hàng không: bao gồm hoạt động sửa chữa, khắc phục hư hỏng của công trình hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình do chịu tác động đột xuất của bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy, sự cố tàu bay và phương tiện hoạt động trên khu bay và những tác động đột xuất khác hoặc khi công trình, công trình bộ phận có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình. 4. Kiểm định chất lượng công trình hàng không phục vụ công tác bảo trì được thực hiện theo khoản 5 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 5. Quan trắc công trình hàng không theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này. 6. Đánh giá an toàn công trình hàng không theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.	phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình. 2. Bảo dưỡng công trình hàng không bao gồm các công việc được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng công trình hàng không và quy trình bảo trì. 3. Sửa chữa công trình hàng không bao gồm sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất được xác định theo thiết kế xây dựng hoặc phương án kỹ thuật và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. 4. Kiểm định chất lượng công trình hàng không phục vụ công tác bảo trì được thực hiện theo khoản 5 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 5. Quan trắc công trình hàng không theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.	
---	--	--

7. Các công việc khác.	6. Đánh giá an toàn công trình hàng không theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này. 7. Bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị để việc khai thác sử dụng công trình hàng không đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình hàng không, công trình kết cấu hạ tầng hàng không; 8. Các công việc khác.	
Điều 3. Yêu cầu đối với công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không 1. Công trình hàng không sau khi đưa vào khai thác sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định. Thời gian thực hiện quản lý và bảo trì được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. 2. Bảo trì công trình hàng không phải thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan. 3. Việc bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, bảo trì công trình hàng không và quy trình bảo trì công trình tương ứng đối với loại công trình đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 4. Việc quản lý, khai thác, bảo trì công trình hàng không phải đảm bảo duy trì tuổi thọ công trình, đảm bảo an toàn khai thác, an ninh, an toàn hàng không; an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.	Điều 5. Yêu cầu đối với công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không 1. Công trình hàng không sau khi đưa vào khai thác sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định. Thời gian thực hiện quản lý và bảo trì được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. 2. Bảo trì công trình hàng không phải thực hiện theo kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan. 3. Việc bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, bảo trì công trình hàng không và quy trình bảo trì công trình tương ứng đối với loại công trình đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 4. Việc quản lý, khai thác, bảo trì công trình hàng không phải đảm bảo duy trì tuổi thọ công trình, đảm bảo an toàn khai thác, an ninh, an toàn hàng không; an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.	Sửa đổi từ ngữ để phù hợp với quy định tại Nghị định số 287/2025/NĐ-CP

Điều 5. Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.	Điều 6. Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.	
Điều 6. Quy trình bảo trì công trình hàng không 1. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình hàng không a) Đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, trách nhiệm lập quy trình bảo trì tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; b) Đối với các công trình hàng không đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tổ chức lập quy trình bảo trì công trình hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; c) Đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý: người được giao quản lý, sử dụng khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh quy trình bảo trì. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình hàng không làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình hàng không. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;	Điều 7. Quy trình bảo trì công trình hàng không 1. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình hàng không a) Đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, trách nhiệm lập quy trình bảo trì tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; b) Đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng chưa có quy trình bảo trì, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập, trình Bộ Xây dựng phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh quy trình bảo trì. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; c) Đối với các công trình hàng không khác đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, người quản lý sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm tổ chức lập quy trình bảo trì công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; d) Đối với công trình hàng không cấp III trở xuống, việc thực hiện lập quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP;	Theo quy định của Điều 31 NĐ 06/2021/NĐ-CP, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình mới có thẩm quyền phê duyệt QTBT. Việc phê duyệt quy trình bảo trì là trong quá trình thiết kế, nếu Bộ Xây dựng đã làm chủ đầu tư thì Bộ Xây dựng duyệt là phù hợp, không tách ra dự án thì Bộ Xây dựng duyệt, còn quy trình bảo trì thì phân cấp Cục HKVN duyệt. Thực hiện lập, phê duyệt quy trình bảo trì đối với 03 đối tượng: (1) công trình hàng không đầu tư xây dựng mới; (2) công trình hàng không đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì; (3) công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý quy định tại Chương III Nghị định số 287/2025/NĐ-CP. - Thông tư 06/2021/TT-BXD hiện nay có quy định về phân cấp các công trình hàng không (mục 1.4.6 Phụ lục 1, trong đó có chia các công trình cấp đặc biệt, cấp 1 và cấp 2)

d) Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình riêng. 2. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng không a) Đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp do Bộ Giao thông vận tải là chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy trình bảo trì công trình cấp I, cấp đặc biệt theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; các công trình còn lại phân cấp cho Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt quy trình bảo trì; b) Đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, chủ đầu tư tổ chức phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; c) Đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì hoặc đã có quy trình bảo trì nhưng cần thiết phải điều chỉnh, cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phê duyệt quy trình bảo trì;	d) Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp, người quản lý sử dụng công trình hàng không hoặc doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình riêng. 2. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng không a) Chủ đầu tư phê duyệt quy trình bảo trì đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; b) Bộ Xây dựng phê duyệt quy trình bảo trì đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng chưa có quy trình bảo trì; c) Người quản lý sử dụng công trình hàng không phê duyệt quy trình bảo trì đối với các công trình hàng không khác đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; d) Tổ chức có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình trước khi phê duyệt. Kinh phí thuê tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.	-Hiện tại theo quy định tại một số Điều, khoản của Thông tư 24/2021/TT-BGTVT cũng đang có nhắc tới việc phân cấp công trình (Điều 14, Điều 16, Điều 17...), tuy nhiên theo quy định tại Thông tư 24/2021/TTBGTVT chưa phân định rõ trường hợp không phải lập quy trình bảo trì theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Để đảm bảo tính thống nhất trong quy định hiện hành về việc lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng không cần phải bổ sung cho trường hợp này. Bổ sung quy trình bảo trì cho trường hợp công trình hàng không cấp III trở xuống, việc thực hiện lập quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP; Theo quy định của Điều 31 NĐ 06/2021/NĐ-CP, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình mới có thẩm quyền phê duyệt quy trình bảo trì. Việc phê duyệt quy trình bảo trì là trong quá trình thiết kế, nếu Bộ Xây dựng đã làm chủ đầu tư thì Bộ Xây dựng duyệt là phù hợp, không tách ra dự án thì Bộ Xây dựng duyệt, còn quy trình bảo trì thì phân cấp Cục HKVN duyệt. Phân tách rõ, đối với công trình xây dựng mới, Chủ đầu tư phê duyệt quy trình bảo trì. Đối với công trình chưa có quy trình bảo trì, phân ra các trường hợp: (1) công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư quản lý thì Bộ Xây dựng phê duyệt quy trình bảo trì; (2) công trình hàng không khác do người quản
---	--	---

d) Đối với công trình hàng không không thuộc trường hợp quy định tại khoản c Điều này đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì hoặc đã có quy trình bảo trì nhưng cần thiết phải điều chỉnh, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức phê duyệt quy trình bảo trì; đ) Tổ chức có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình trước khi phê duyệt. Kinh phí thuê tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.		lý sử dụng công trình phê duyệt quy trình bảo trì
Điều 7. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không 1. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không. a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; b) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng công trình; c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo) và các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công; d) Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo); đ) Các kết quả quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, thử nghiệm khả năng chịu lực kết cấu công trình (nếu có) trong quá trình thi công, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật	Điều 8. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không 1. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không khác. a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; b) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng công trình; c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo) và các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công; d) Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo); đ) Các kết quả quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, thử nghiệm khả năng chịu lực kết cấu công trình (nếu có) trong quá trình thi công, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật	

tư dự trữ thay thế và các tài liệu khác có liên quan; e) Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình; g) Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình; h) Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có); i) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng của chủ đầu tư. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có); k) Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có); l) Biên bản bàn giao công trình. 2. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không do Nhà nước đầu tư quản lý a) Các tài liệu quy định tại khoản 1, 2 Điều này; b) Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao các tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng. 4. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác bảo trì và	tư dự trữ thay thế và các tài liệu khác có liên quan; e) Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình; g) Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình; tài liệu khai thác công trình hoặc tài liệu khai thác sân bay (nếu có); h) Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có); i) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng của chủ đầu tư. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có); k) Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có); l) Sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình. 2. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này; b) Quyết định bàn giao tài sản (nếu có) và hồ sơ bàn giao tài sản, quản lý theo quy định.	Một số Cảng HK được tiếp nhận bàn giao Cơ sở hạ tầng từ Chế độ cũ (những năm 1975) nên không có các tài liệu kèm theo. Vì vậy, cần điều chỉnh, bổ sung nhằm phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài ra hiện tại tần suất đo ma sát, tẩy vết cao su, các quy trình chi tiết hướng dẫn bảo trì.. có thể được quy định trong tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác công trình, vì vậy việc bổ sung các tài liệu này để làm căn cứ cho công tác bảo trì là phù hợp và cần thiết Công trình do công trình hàng không khác do Chủ đầu tư xây dựng và khai thác chứ không phải là Công trình kết cấu hạ tầng hàng không được Nhà nước bàn giao cho doanh nghiệp khai thác cảng nên không có Biên bản bàn giao
--	---	---

bổ sung hồ sơ, tài liệu kịp thời những thay đổi của công trình hàng không.		
Điều 8. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình hàng không Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình trong quá trình khai thác công trình hàng không: 1. Kiểm tra công trình hàng không thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc sửa chữa, bảo dưỡng và các công việc khác; đánh giá an toàn công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; 2. Lập sổ theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng, tình hình hư hỏng các công trình hàng không thuộc phạm vi quản lý để xây dựng kế hoạch bảo trì, báo cáo cấp có thẩm quyền và tổ chức sửa chữa, khắc phục hư hỏng để đảm bảo công trình hàng không được khai thác an toàn, đảm bảo giao thông hàng không thông suốt.	Điều 9. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình hàng không Trách nhiệm của người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trong quá trình khai thác công trình hàng không: 1. Kiểm tra công trình hàng không thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, kịp thời phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc sửa chữa, bảo dưỡng và các công việc khác; đánh giá an toàn công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. 2. Lập sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hàng không theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng, tình hình hư hỏng các công trình hàng không thuộc phạm vi quản lý để xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì, báo cáo cấp có thẩm quyền và tổ chức sửa chữa, khắc phục hư hỏng để đảm bảo công trình hàng không được khai thác an toàn, đảm bảo giao thông hàng không thông suốt.	Bổ sung chủ thể chịu trách nhiệm trong quá trình khai thác công trình hàng không
Điều 16. Đánh giá an toàn công trình hàng không 1. Trong quá trình khai thác, sử dụng, các công trình hàng không cấp đặc biệt và cấp I sau đây phải được tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn công trình:	Điều 10. Đánh giá an toàn công trình hàng không 1. Trong quá trình khai thác, sử dụng, các công trình hàng không cấp đặc biệt và cấp I sau đây phải được tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn công trình:	

a) Nhà ga hành khách; b) Đường cắt hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay: xác định chỉ số phân cấp mặt đường, chỉ số trạng thái mặt đường, hệ số ma sát mặt đường và các công việc khác theo quy trình bảo trì. c) Đài kiểm soát không lưu; trung tâm kiểm soát đường dài. 2. Trình tự thực hiện, nội dung đánh giá an toàn công trình hàng không thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình hàng không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 4. Đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, người được giao quản lý, sử dụng và khai thác có trách nhiệm tổ chức đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả đánh giá an toàn công trình.	a) Nhà ga hành khách; b) Đường cắt hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay: xác định chỉ số phân cấp mặt đường, chỉ số trạng thái mặt đường, hệ số ma sát mặt đường và các công việc khác theo quy trình bảo trì; c) Đài kiểm soát không lưu; trung tâm kiểm soát đường dài. 2. Trình tự thực hiện, nội dung đánh giá an toàn công trình hàng không thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình hàng không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 4. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm tổ chức đánh giá an toàn công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý trong quá trình khai thác, sử dụng; báo cáo Bộ Xây dựng kết quả đánh giá an toàn công trình.	Sửa đổi thẩm quyền từ Bộ GTVT thành Bộ Xây dựng
Điều 18. Xử lý đối với công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng 1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm: thường xuyên theo dõi, kiểm tra công trình hàng không để kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.	Điều 11. Xử lý đối với công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng 1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm: thường xuyên theo dõi, kiểm tra công trình hàng không để kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.	Biên tập lại để phù hợp với định nghĩa các chủ thể được quy định tại Điều 2 của dự thảo Thông tư

2. Khi phát hiện hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không tạm dừng khai thác, sử dụng công trình và có trách nhiệm thực hiện các công việc quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp không xử lý kịp thời, gây thiệt hại về người và tài sản thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. 3. Đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý: người được giao quản lý, sử dụng và khai thác có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, xử lý khi phát hiện hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.	2. Khi phát hiện hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tạm dừng khai thác, sử dụng công trình và có trách nhiệm thực hiện các công việc quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp không xử lý kịp thời, gây thiệt hại về người và tài sản thì người quản lý, sử dụng công trình hàng không hoặc doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. 3. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, xử lý khi phát hiện có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng đối với hạng mục công trình, công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.	
Điều 14. Quan trắc công trình hàng không 1. Công trình, bộ phận công trình hàng không bắt buộc quan trắc trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 33 06/2021/NĐ-CP, bao gồm: a) Công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu kỹ thuật máy bay (hangar), kho hàng hóa, các công trình kết cấu nhịp lớn dạng khung khác và công trình bảo đảm hoạt động bay;	Điều 12. Quan trắc công trình hàng không 1. Công trình, bộ phận công trình hàng không bắt buộc quan trắc trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 33 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, bao gồm: a) Công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu kỹ thuật máy bay (hangar), kho hàng hóa cấp 1 trở lên, các công trình kết cấu nhịp lớn dạng khung khác cấp đặc biệt; Đài kiểm soát không lưu cấp 1 trở lên; b) Đường cất hạ cánh;	- Đơn giản hoá thủ tục và khối lượng cho đơn vị, giảm chi phí cho đơn vị, không đưa các công trình quy mô nhỏ vào danh mục quan trắc bắt buộc hoặc công trình đánh giá an toàn ít có khả năng gây ra thảm họa như sân đỗ tàu bay,

b) Đường cắt hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay; c) Công trình, bộ phận công trình hàng không có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình khai thác sử dụng công trình. d) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình. 2. Nội dung quan trắc đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều này được quy định trong quy trình bảo trì công trình hàng không bao gồm: các vị trí quan trắc, thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (biến dạng nghiêng, lún, nứt, chuyển vị, võng,...); thời gian quan trắc, số lượng chu kỳ quan trắc và các nội dung cần thiết khác. 3. Yêu cầu chung đối với công tác quan trắc công trình hàng không trong quá trình khai thác, sử dụng: a) Nhà thầu quan trắc lập phương án quan trắc phù hợp với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; trong đó quy định về phương pháp đo, thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các mốc quan trắc, tổ chức thực hiện, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác trình chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không phê duyệt. b) Nhà thầu quan trắc phải thực hiện quan trắc theo phương án quan trắc được phê duyệt và báo cáo người có trách nhiệm bảo trì về kết quả quan trắc. Các số liệu quan trắc phải được so sánh, đánh giá với giá trị giới hạn do nhà	c) Công trình, bộ phận công trình hàng không có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình khai thác sử dụng công trình; d) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng. 2. Nội dung quan trắc đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều này được quy định trong quy trình bảo trì công trình hàng không bao gồm: các vị trí quan trắc, thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (biến dạng nghiêng, lún, nứt, chuyển vị, võng,...); thời gian quan trắc, số lượng chu kỳ quan trắc và các nội dung cần thiết khác. 3. Yêu cầu chung đối với công tác quan trắc công trình hàng không trong quá trình khai thác, sử dụng: a) Nhà thầu quan trắc lập phương án quan trắc phù hợp với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; trong đó quy định về phương pháp đo, thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các mốc quan trắc, tổ chức thực hiện, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác trình người quản lý, sử dụng công trình hàng không hoặc doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phê duyệt; b) Nhà thầu quan trắc phải thực hiện quan trắc theo phương án quan trắc được phê duyệt và báo cáo người có trách nhiệm bảo trì về kết quả quan trắc. Các số liệu quan trắc phải được so sánh, đánh giá với giá trị giới hạn do	đường lăn (Trường hợp có lún, nứt..thì áp dụng theo điểm c khoản 1 Điều này) - Phù hợp chung với quy mô, cấp công trình xây dựng khác tương tự Thông tư 06/2021/TT-BXD
--	---	--

thầu thiết kế xây dựng công trình quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng. Trường hợp số liệu quan trắc quy định tại khoản 2 Điều này vượt giá trị giới hạn cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường khác thì người có trách nhiệm bảo trì phải tổ chức đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng và có biện pháp xử lý kịp thời. 4. Người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý có trách nhiệm kiểm tra, đề xuất quan trắc công trình, bộ phận công trình hàng không được giao quản lý, sử dụng, khai thác trong quá trình khai thác, sử dụng để đưa vào kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm.	nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng. Trường hợp số liệu quan trắc quy định tại khoản 2 Điều này vượt giá trị giới hạn cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường khác thì người có trách nhiệm bảo trì phải tổ chức đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng và có biện pháp xử lý kịp thời. 4. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm kiểm tra, đề xuất quan trắc công trình, bộ phận công trình trong quá trình khai thác, sử dụng để đưa vào kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.	
Điều 11. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức trong quản lý và bảo trì công trình hàng không 1. Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng không: áp dụng theo các tiêu chuẩn; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành. 2. Đối với công tác sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất công trình hàng không: áp dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình và các quy định của pháp luật có liên quan.	Điều 13. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức trong quản lý và bảo trì công trình hàng không 1. Công tác bảo trì công trình hàng không áp dụng theo các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành. 2. Đối với các công việc chưa có tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì xác định theo đơn giá xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hoặc xác định trên cơ sở giá thị trường hoặc theo giá tương tự ở các công trình đã thực hiện.	Sửa đổi để phù hợp với thực tế bảo trì công trình
	Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG	

Điều 12. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình hàng không 1. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng không bao gồm các thông tin cơ bản sau: tên công trình hàng không, danh mục, hạng mục công trình, công việc thực hiện; đơn vị; khối lượng chủ yếu; kinh phí dự kiến thực hiện; quy mô và giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Các công việc được ưu tiên thực hiện trong kế hoạch bảo trì công trình hàng không gồm: a) Công việc ưu tiên gồm: bảo dưỡng; khối lượng của dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; xử lý, khắc phục sự cố công trình; sửa chữa, bổ sung các công trình đảm bảo an toàn hàng không; sửa chữa định kỳ công trình hàng không đã khai thác quá thời hạn thiết kế để khôi phục các chỉ tiêu kỹ thuật (mức độ rạn nứt, chỉ số nhám) theo tiêu chuẩn thiết kế; xây dựng tiêu chuẩn và định mức về quản lý, bảo trì; xác định chỉ số phân cấp mặt đường, chỉ số trạng thái mặt đường, hệ số ma sát mặt đường bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng và các công việc cần thiết khác được xác định trong kế hoạch bảo trì; b) Khi xây dựng kế hoạch bảo trì phải lựa chọn công việc ưu tiên để bố trí vốn thực hiện. 3. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không lập kế hoạch bảo	Điều 14. Lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý 1. Lập, phê duyệt, kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì: a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật của công trình; số theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình; Biên bản xác nhận hiện trạng các hư hỏng công trình giữa cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được lập theo biểu mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; quy trình bảo trì; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn có liên quan, mức độ ưu tiên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình hằng năm nhằm đảm bảo an toàn công trình trong quá trình khai thác. b) Kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình được xây dựng đầy đủ các thông tin gồm: tên nhiệm vụ, công trình, hạng mục công trình; đơn vị tính, khối lượng, kinh phí thực hiện; quy mô và giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên đối với các công trình sửa chữa định kỳ. c) Nội dung kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Thông tư này. d) Thành phần hồ sơ trình kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình gồm:	Thực hiện theo quy trình được ban hành tại Quyết định số 805/QĐ-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng và quy trình thực hiện một số nội dung về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông và tuân thủ Nghị định số 287/2025/NĐ-CP: - Thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: lập, phê duyệt, kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì so với Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT - Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành: lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý; điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý. - Thủ tục hành chính được bãi bỏ so với quy định hiện hành: lập và duyệt/điều chỉnh Danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau.
--	--	--

trì công trình hàng không hàng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình. 4. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý. a) Hàng năm, căn cứ tình trạng kỹ thuật của công trình, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử bảo trì công trình, các thông tin và dữ liệu khác, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức và quy định về ưu tiên tại khoản 2 Điều này, người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý lập nhu cầu quản lý, bảo trì và công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau, gửi Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 5. Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp nhu cầu quản lý, bảo trì và công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 6 hàng năm. b) Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Bộ Giao thông vận tải chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau; chấp thuận công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch bảo trì năm sau. c) Căn cứ vào công việc, danh mục được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận tại điểm b khoản này, người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật	Số theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình; Biên bản xác nhận hiện trạng các hư hỏng công trình giữa cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được lập theo biểu mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; thuyết minh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình, trong đó nêu tình trạng kỹ thuật của công trình, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và chi phí thực hiện; Kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình được lập theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. đ) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình của năm kế hoạch trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 01 tháng 6 hàng năm để thẩm định; Cục Hàng không Việt Nam hoàn thành báo cáo thẩm định trước ngày 20 tháng 6 hàng năm. Nội dung thẩm định bao gồm: kiểm tra danh mục bảo trì thuộc tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý; quy trình bảo trì được áp dụng; cơ sở xác định khối lượng và chi phí bảo trì; hình thức bảo trì; phương thức thực hiện; nguồn vốn thực hiện. e) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không.	
--	---	--

sửa chữa công trình, duyệt dự toán kinh phí và các công việc cần thiết khác trước ngày 31 tháng 10. d) Căn cứ nội dung duyệt tại điểm c khoản này và các công việc quản lý, bảo trì cần thiết bổ sung nhưng nằm ngoài danh mục quy định tại điểm b khoản này, người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải kế hoạch bảo trì năm sau trước ngày 15 tháng 11 hằng năm. đ) Điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung công trình sửa chữa ngoài kế hoạch bảo trì đã được phê duyệt, người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương điều chỉnh, bổ sung công việc, danh mục quản lý, bảo trì vào kế hoạch bảo trì để tổ chức thực hiện. e) Nhu cầu quản lý, bảo trì thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan tại Thông tư này.	g) Trên cơ sở kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình được phê duyệt, Bộ Xây dựng tổng hợp dự toán kinh phí quản lý, bảo trì vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hằng năm. 2. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình a) Trên cơ sở số thông báo của Bộ Xây dựng về dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động kinh tế hàng không, trong 05 ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng rà soát, cập nhật kế hoạch quản lý, bảo trì của năm kế hoạch phù hợp với nguồn kinh phí được bố trí và trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Hàng không Việt Nam để thẩm định. Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này; tờ trình kế hoạch quản lý, bảo trì công trình lập theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. b) Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định, gửi kết quả thẩm định về Bộ Xây dựng và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm. c) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình trước ngày 25 tháng 12 hằng năm. 3. Điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình	
---	--	--

	a) Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình được điều chỉnh trong quá trình thực hiện để phù hợp với tình trạng kỹ thuật thực tế của công trình. b) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập hồ sơ điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Hàng không Việt Nam thẩm định trước ngày 01 tháng 10 hằng năm; Cục Hàng không Việt Nam hoàn thành báo cáo thẩm định trước ngày 10 tháng 10 hằng năm. c) Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì điều chỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này. d) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.	
Điều 13. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không 1. Trên cơ sở kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm được phê duyệt, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng bảo trì công trình hàng không. 2. Đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý	Điều 15. Thực hiện kế hoạch, quản lý bảo trì công trình hàng không kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý 1. Căn cứ kế hoạch quản lý, bảo trì công trình và dự toán chi ngân sách nhà nước do Bộ Xây dựng giao, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện bảo trì công trình. 2. Thực hiện công tác sửa chữa công trình Phương án 1 a) Đối với công trình sửa chữa có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, doanh nghiệp kinh	Sửa đổi quy trình thực hiện Thực hiện kế hoạch, quản lý bảo trì công trình hàng không kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo Nghị định số 287/2025/NĐ-CP và Quyết định số 805/QĐ-BXD ngày 13/6/2025.

a) Trên cơ sở kế hoạch bảo trì hàng năm được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; b) Đối với công tác khắc phục sự cố, sửa chữa đột xuất công trình hàng không do Nhà nước đầu tư quản lý, người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật, phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam kết quả thực hiện ngay sau khi hoàn thành.	doanh, khai thác cảng tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, phê duyệt. Việc triển khai công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan. b) Đối với sửa chữa công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập, phê duyệt phương án kỹ thuật - dự toán và triển khai thực hiện. Phương án 2 a) Đối với công trình sửa chữa có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng lấy ý kiến Cục Hàng không Việt Nam trước khi thẩm định, phê duyệt. Việc triển khai công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan. b) Đối với sửa chữa công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập, phê duyệt phương án kỹ thuật - dự toán và triển khai thực hiện. 3. Thực hiện công tác bảo dưỡng công trình Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện bảo dưỡng công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng công trình hàng không và quy trình bảo trì. Việc triển khai bảo dưỡng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan. 4. Thực hiện sửa chữa đột xuất	
--	---	--

	Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.	
	Điều 16. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không khác 1. Nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình bao gồm các thông tin cơ bản sau: tên công trình hàng không, danh mục, hạng mục công trình, công việc thực hiện; đơn vị; khối lượng chủ yếu; kinh phí thực hiện; quy mô và giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên. Nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình được lập theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Các công việc được ưu tiên thực hiện trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình gồm: a) Công việc ưu tiên gồm: bảo dưỡng; khối lượng của dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; xử lý, khắc phục sự cố công trình; sửa chữa, bổ sung các công trình đảm bảo an toàn hàng không; sửa chữa định kỳ công trình đã khai thác quá thời hạn thiết kế để khôi phục các chỉ tiêu kỹ thuật (mức độ rạn nứt, chỉ số nhám) theo tiêu chuẩn thiết kế; xây dựng tiêu chuẩn và định mức về quản lý, bảo trì; xác định chỉ số phân cấp mặt đường, chỉ số trạng thái mặt đường, hệ số ma sát mặt đường bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng và các công việc cần thiết khác được xác định trong kế hoạch quản lý, bảo trì;	

	b) Khi xây dựng kế hoạch quản lý bảo trì phải lựa chọn công việc ưu tiên để bố trí vốn thực hiện. 3. Người quản lý sử dụng công trình hàng không lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình. 4. Căn cứ kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng năm được phê duyệt, người quản lý sử dụng công trình hàng không tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình theo quy định quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng bảo trì công trình hàng không.	
Điều 15. Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình hàng không 1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình hàng không chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Quản lý chất lượng công tác bảo trì đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo khoản 1 Điều này và các quy định sau: a) Việc phân định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết thực hiện hợp đồng dự án theo hình thức đối tác công tư và doanh nghiệp dự án đối với công tác quản lý chất lượng bảo trì thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định tại hợp đồng dự án;	Điều 17. Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình hàng không 1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Quản lý chất lượng công tác bảo trì đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo khoản 1 Điều này và các quy định sau: a) Việc phân định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết thực hiện hợp đồng dự án theo hình thức đối tác công tư và doanh nghiệp dự án đối với công tác quản lý chất lượng bảo trì thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định tại hợp đồng dự án;	

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án đối tác công tư tổ chức kiểm tra doanh nghiệp dự án trong việc thực hiện công tác bảo trì để đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm chất lượng, vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đã được duyệt thì xử lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định trong hợp đồng dự án. 3. Thời hạn bảo hành công tác sửa chữa công trình hàng không theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. 4. Trường hợp công trình hàng không có yêu cầu về quan trắc hoặc phải kiểm định chất lượng thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này.	b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án đối tác công tư tổ chức kiểm tra doanh nghiệp dự án trong việc thực hiện công tác bảo trì để đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm chất lượng, vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đã được duyệt thì xử lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định trong hợp đồng dự án. 3. Thời hạn bảo hành công tác sửa chữa công trình hàng không theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. 4. Trường hợp công trình hàng không có yêu cầu về quan trắc hoặc phải kiểm định chất lượng thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này.	
Điều 19. Báo cáo việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình hàng không 1. Người quản lý, sử dụng công trình hàng không là chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất khi Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau: a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không; b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì	Điều 18. Báo cáo việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình hàng không 1. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng báo cáo Cục Hàng không Việt Nam và Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý định kỳ như sau: a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác, bảo trì công trình; b) Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau: nhiệm vụ thực hiện; khối lượng, kinh phí được Bộ Xây dựng phê duyệt hoặc điều chỉnh trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không; chất lượng thực hiện, khối lượng hoàn thành, giá trị đã giải ngân; đề xuất, kiến nghị (nếu có);	

công trình hàng không theo mẫu tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư; c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật; d) Tần suất báo cáo: định kỳ 06 tháng, hàng năm; đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 15 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ hàng năm; báo cáo 06 tháng cuối năm được thay thế bằng báo cáo năm. e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ hàng năm; g) Mẫu đề cương báo cáo: theo mẫu tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư.	c) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng; d) Phương thức gửi, nhận báo cáo: văn bản giấy và qua trực liên thông hệ thống quản lý văn bản giữa Bộ Xây dựng, Cục Hàng không Việt Nam và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng; đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm; e) Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần trong năm; g) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm; h) Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Người quản lý sử dụng công trình hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không khác định kỳ như sau: a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không; b) Nội dung báo cáo: nhiệm vụ thực hiện; khối lượng, kinh phí; chất lượng thực hiện; đề xuất, kiến nghị (nếu có); c) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam;	- Bỏ báo cáo định kỳ 06 tháng để phù hợp với khoản 1 điều 19 để giảm bớt các thủ tục.
--	---	--

2. Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không về Bộ Giao thông vận tải định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi Bộ Giao thông vận tải yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau: a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không; b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo mẫu tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư; c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax,	d) Phương thức gửi, nhận báo cáo: văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật; đ) Tần suất thực hiện báo cáo: định kỳ hàng năm; e) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm; g) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; h) Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không về Bộ Xây dựng định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi Bộ Xây dựng yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau: a) Tên báo cáo: báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không; b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư; c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính,	
--	--	--

qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật; d) Tần suất báo cáo: định kỳ 06 tháng, hàng năm; đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ hàng năm; báo cáo 06 tháng cuối năm được thay thế bằng báo cáo năm. e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ hàng năm; g) Mẫu đề cương báo cáo: theo mẫu tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư. 3. Đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý: người được giao quản lý, sử dụng, khai thác công trình báo cáo Cục Hàng không Việt Nam tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất khi Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất khi Bộ Giao thông vận tải yêu cầu. Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không về Bộ Giao thông vận tải định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi Bộ Giao thông vận tải yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này.	fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật; d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm; đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 25 tháng 02 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ hàng năm; e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ hàng năm; g) Mẫu đề cương báo cáo: theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư.	
--	---	--

Điều 17. Quy định về xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp 1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình xác định thời hạn sử dụng của công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình. Trường hợp hồ sơ thiết kế của công trình bị mất hoặc không quy định tuổi thọ thì người có trách nhiệm bảo trì công trình tổ chức thực hiện việc xác định tuổi thọ thiết kế của công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với công trình hoặc căn cứ theo tuổi thọ đã được xác định của công trình tương tự cùng loại và cấp. 2. Việc xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng theo thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 3. Đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý: người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét và cho ý kiến trong trường hợp kéo dài thời hạn sử dụng công trình.	Điều 19. Quy định về xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp 1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng xác định thời hạn sử dụng của công trình hàng không theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình. Trường hợp hồ sơ thiết kế của công trình hàng không bị mất hoặc không quy định tuổi thọ thì người có trách nhiệm bảo trì công trình tổ chức thực hiện việc xác định tuổi thọ thiết kế của công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với công trình hoặc căn cứ theo tuổi thọ đã được xác định của công trình tương tự cùng loại và cấp. 2. Việc xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng theo thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 3. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện xử lý công trình kết cấu hạ tầng hàng không hết thời hạn sử dụng theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; báo cáo Bộ Xây dựng xem xét và cho ý kiến trong trường hợp kéo dài thời hạn sử dụng công trình.	
Điều 20. Trách nhiệm quản lý và bảo trì công trình hàng không 1. Trách nhiệm Bộ Giao thông vận tải Bộ Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo quy định.	Điều 20. Trách nhiệm quản lý và bảo trì công trình hàng không 1. Cục Hàng không Việt Nam a) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không không theo quy định;	Thực hiện chủ trương của Đảng, quy định của Quốc hội về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước (Nghị quyết số 04/NQ-CP). Bộ Xây dựng cũng đã

2. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam a) Kiểm tra, hướng dẫn người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình thực hiện công tác bảo trì công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý bảo đảm theo kế hoạch bảo trì được giao, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt; đảm bảo theo quy định của quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và kế hoạch bảo trì được giao; b) Kiểm tra, giám sát, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý và bảo trì công trình hàng không; c) Thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không liên quan đến quản lý, bảo trì công trình hàng không theo quy định của pháp luật.	b) Tổ chức kiểm tra trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trong quản lý, bảo trì công trình hàng không theo quy định của Thông tư này 2. Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong việc quản lý nhà nước về quản lý, bảo trì công trình hàng không và công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý. 3. Cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không a) Phối hợp doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập Biên bản xác nhận hiện trạng các hư hỏng công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý. b) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn được Cục Hàng không Việt Nam giao hoặc ủy quyền liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo trì công trình hàng không; c) Chịu trách nhiệm giám sát đề công tác bảo trì trong quá trình thi công được thực hiện theo đúng phương án đảm bảo an ninh, an toàn được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. 4. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng a) Tổ chức thực hiện quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định; b) Thực hiện tổ chức công tác bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không, chịu trách nhiệm toàn diện về khối lượng và chất lượng bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước	tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 để quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Thực hiện theo chủ trương của Chính phủ, Bộ Xây dựng, Cục HKNV đề xuất tại dự thảo Thông tư phân cấp, phân quyền nhiệm vụ tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) theo quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT cho Cục Hàng không Việt Nam. Bổ sung trách nhiệm của Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng và Cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không
---	--	--

3. Trách nhiệm của người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý. a) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình hàng không được giao quản lý, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan; b) Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì được giao theo quy định; c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình hàng không; d) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình hàng không; e) Báo cáo kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP. 4. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không tự đầu tư, quản lý có trách nhiệm:	đầu tư, quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn hàng không liên tục, thông suốt theo quy định của pháp luật; c) Tổ chức kiểm tra, theo dõi định kỳ chất lượng công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý trong quá trình khai thác, sử dụng; thực hiện sửa chữa những hư hỏng để duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, bảo đảm an toàn công trình, an toàn hàng không; d) Chịu trách nhiệm về sự cố hoặc xuống cấp của công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định; đ) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý; e) Báo cáo kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không theo quy định. 5. Người quản lý sử dụng công trình hàng không: a) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình do mình quản lý, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt theo quy định; b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định;	
--	--	--

a) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình do mình quản lý, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt theo quy định; b) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình hàng không; c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định. 5. Đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức đối tác công tư, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác, sử dụng theo hợp đồng dự án. Hết thời hạn vận hành, khai thác theo dự án hoặc khi doanh nghiệp dự án bị yêu cầu dừng khai thác công trình khi chưa hết thời hạn vận hành, khai thác, người được giao tiếp nhận quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không từ nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm tiếp tục bảo trì công trình. 6. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có thời hạn, thuê quyền khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng hàng không chịu trách nhiệm quản lý kết cấu hạ tầng hàng không và bảo trì công trình hàng không theo hợp đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hay xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định. Chủ sở hữu khi cho tổ chức, cá nhân thuê hoặc giao quản lý, sử dụng công trình hàng	c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình hàng không; d) Báo cáo kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không theo quy định. 6. Đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức đối tác công tư, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác, sử dụng theo hợp đồng dự án. Hết thời hạn vận hành, khai thác theo dự án hoặc khi doanh nghiệp dự án bị yêu cầu dừng khai thác công trình khi chưa hết thời hạn vận hành, khai thác, người được giao tiếp nhận quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không từ nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm tiếp tục bảo trì công trình. 7. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có thời hạn, thuê quyền khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng hàng không chịu trách nhiệm quản lý kết cấu hạ tầng hàng không và bảo trì công trình hàng không theo hợp đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hay xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định. 8. Chủ sở hữu khi cho tổ chức, cá nhân thuê hoặc giao quản lý, sử dụng công trình hàng không phải có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bảo trì công trình hàng không trong hợp đồng cho thuê, giao quản lý, khai thác, sử dụng.	
---	--	--

không phải có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bảo trì công trình hàng không trong hợp đồng cho thuê, giao quản lý, khai thác, sử dụng. 7. Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện bảo trì công trình hàng không.		
	Chương IV CHI PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG	
Điều 4. Chi phí bảo trì công trình hàng không 1. Chi phí bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP); Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình hàng không thực hiện theo các quy định của pháp luật tương ứng nguồn vốn đảm bảo cho công tác bảo trì công trình hàng không. 2. Dự toán chi phí bảo trì công trình hàng không được lập theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu công việc bảo trì phải thực hiện, kế hoạch thực hiện bảo trì của công trình hàng không, điều kiện thi	Điều 21. Nguồn kinh phí, nội dung chi phí quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý 1. Kinh phí dành cho công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng, hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được hình thành từ các nguồn sau: a) Ngân sách nhà nước; b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí dành cho công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành. 3. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý bao gồm:	

công và biện pháp thi công bảo trì. Đối với các công việc bảo trì công trình hàng không chưa có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố hoặc đã có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố nhưng chưa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu công việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. 3. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện bảo trì đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý bao gồm: a) Chi phí kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất công trình hàng không; b) Chi phí bảo dưỡng công trình hàng không; c) Chi phí sửa chữa định kỳ, đột xuất công trình hàng không;	a) Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì công trình; b) Chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn, sửa chữa, bảo dưỡng công trình và quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình; c) Chi phí lập, cập nhật hồ sơ quản lý công trình; chi phí cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình; d) Chi phí lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì và lập kế hoạch quản lý, bảo trì; đ) Chi phí khác để thực hiện quá trình bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. 4. Việc xác định chi phí thực hiện quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện như sau: a) Đối với sửa chữa công trình, chi phí thực hiện được xác định theo từng công trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; b) Đối với bảo dưỡng công trình, chi phí thực hiện được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung và khối lượng công việc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	
	Điều 22. Chi phí quản lý, bảo trì công trình hàng không khác 1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện bảo trì công trình.	Việc sửa đổi để phù hợp trong trường hợp các văn bản QPPL thay đổi thì không phải sửa Thông tư

	2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng nguồn vốn sử dụng thực hiện bảo trì.	
	Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
	Điều 23. Quy định chuyển tiếp 1. Đối với công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, các cơ quan và đơn vị có liên quan tiếp tục thực hiện công tác bảo trì theo kế hoạch bảo trì đã được Bộ Xây dựng phê duyệt đến hết ngày 31/12/2026; b) Khi hết thời hạn thực hiện kế hoạch bảo trì theo quy định tại điểm a Khoản này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, các cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại Thông tư này; c) Đối với công tác Lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý cho năm 2027 được quy định tại Điều 14 của Thông tư này kể từ ngày thông tư có hiệu lực. 2. Đối với công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không khác Công tác bảo trì thuộc kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không khác đã được phê duyệt thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT ngày 22	Bổ sung để công tác bảo trì được diễn ra liên tục không bị gián đoạn

	tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	
Điều 21. Hiệu lực thi hành Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022 và thay thế Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không.	Điều 24. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2026. 2. Thông tư này thay thế Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không.	
Điều 22. Tổ chức thực hiện 1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.	Điều 25. Điều khoản thi hành 1. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.	
Phụ lục 01. Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	Phụ lục I. Mẫu sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hàng không	
Phụ lục 02. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không năm ...	Phụ lục II. Biên bản xác nhận hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư quản lý	
Phụ lục 03. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không 06 tháng năm.../ năm ...	Phụ lục III. Kế hoạch (nhu cầu) quản lý, bảo trì công trình hàng không	
Phụ lục 04. Tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không 06 tháng năm.../ năm ...	Phụ lục IV. Mẫu báo cáo định kỳ kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không	
Phụ lục 02. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không năm ...	Phụ lục V. Mẫu báo cáo định kỳ kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không	

	Phụ lục VI. Mẫu tờ trình kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không	
--	--	--